

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Độ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Cường và bà Hà Thị Thu;

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên - tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đặng Quang Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: chị Phạm Thị N - sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: anh Hoàng Văn H - sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023, Tòa án nhận ngày 20/11/2023, thụ lý ngày 23/11/2023 và bản tự khai chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn H được tự do tìm hiểu, kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Ngày 19 tháng 9 năm 2003, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, mỗi khi say rượu, anh

H lại đánh đập, chửi mắng, xúc phạm chị, thậm chí còn xúc phạm cả bố mẹ vợ, khiến cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng, vì thương các con còn nhỏ, chị N vẫn nhẫn nhịn. Tuy nhiên, đến năm 2021, mâu thuẫn ngày trở nên trầm trọng hơn, chị N đã cố gắng nói chuyện với anh H để khắc phục mâu thuẫn, nhưng không được, đến cuối năm 2022, chị và anh H đã sống ly thân, trong thời gian ly thân, không có hướng khắc phục tình cảm. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống với nhau được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 04 (bốn) con chung là Hoàng Như T, sinh ngày 09/4/2004; Hoàng Khánh T1, sinh ngày 26/02/2012; Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 17/5/2015 và Hoàng Duy T2, sinh ngày 01/9/2022.

Cháu Hoàng Như T đã thành niên (đủ 18 tuổi), không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn, chị đề nghị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung Hoàng Khánh T1, Hoàng Ngọc H1 và Hoàng Duy T2 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh H tự thỏa thuận. Anh, chị không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề trong làm ăn kinh tế nhưng chỉ thỉnh thoảng mới xảy ra bất đồng. Đến nay, anh không muốn ly hôn vì vẫn yêu thương vợ, con. Do đó, anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N.

Về con chung: anh H xác nhận như chị Phạm Thị N trình bày là đúng.

Nếu anh và chị N ly hôn, do điều kiện công việc nhiều khi phải trực đột xuất, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Phạm Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung Hoàng Khánh T1, sinh ngày 26/02/2012; Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 17/5/2015 và Hoàng Duy T2, sinh ngày 01/9/2022 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh thống nhất về việc tự thỏa thuận tài sản chung với chị N, không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn nơi chị N, anh H cư trú thì được Trưởng thôn và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh cho biết: chị N và anh H có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, trong quá trình chung sống anh, chị có xảy ra mâu

thuần, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như nào thì chính quyền không nắm rõ do anh chị không yêu cầu hoà giải. Chỉ biết, thỉnh thoảng anh, chị có xích mích, cãi nhau và hiện tại anh, chị không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị **N** xin ly hôn với anh **H**, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà **Trần Thị G** – Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn còn cho biết thêm, hiện nay cả 03 (ba) con chung của anh, chị đều đang sinh sống cùng chị **N** tại thôn **Đ**, xã **Đ**. Theo bà được biết, chị **N** hiện làm công nhân tại công ty **TNHH D** tại thôn **Đ**, chị còn đang kinh doanh bên ngoài, thu nhập bình quân mỗi tháng của chị ổn định. Anh **H** hiện làm công nhân tại công ty **TNHH H2** tại **H** cũng có thu nhập. Đối với vấn đề con chung của anh chị, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 04/01/2024, bà **Hoàng Thị T3** (là mẹ đẻ chị **Phạm Thị N**) cho biết: chị **N** là con gái và anh **H** là con rể của bà. Sau khi kết hôn, chị **N** và anh **H** đã có những mâu thuẫn, nhưng đến năm 2021, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, đỉnh điểm là sự việc anh **H** đến nơi làm việc của chị **N** đánh chị **N** đến mức chị **N** phải nhập viện điều trị tại Trung tâm y tế huyện **T**. Sau sự việc đó, anh, chị đã được gia đình hòa giải và quay trở về đoàn tụ, nhưng đến cuối năm 2022 lại thường xuyên đánh, chửi nhau. Anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **N** ly hôn với anh **H**.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/12/2023 của cháu **Hoàng Khánh T1**, sinh ngày 26/02/2012 và cháu **Hoàng Ngọc H1**, sinh ngày 17/5/2015 là con chung của chị **N** và anh **H** thể hiện: Nếu chị **N** và anh **H** ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được ở cùng với chị **N**.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay chị **N** vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; còn bị đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nhưng sau khi ra quyết định xét xử không chấp hành quy định của pháp luật, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do và tại phiên tòa lần thứ hai cũng vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh **H** theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thì mâu thuẫn của chị **N** và anh **H** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N**, cho chị **Phạm Thị N** được ly hôn với anh **Hoàng Văn H**;

- Về con chung: cháu **Hoàng Như T** đã thành niên (đủ 18 tuổi), không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nên đề nghị không xét; còn 03 (ba) con chung **Hoàng Khánh T1**, sinh ngày 26/02/2012; **Hoàng Ngọc H1**, sinh ngày 17/5/2015 và **Hoàng Duy T2**, sinh ngày 01/9/2022 giao cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị **Phạm Thị N** và anh **Hoàng Văn H** không yêu cầu, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị **Phạm Thị N** khởi kiện “về việc Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” đối với bị đơn – anh **Hoàng Văn H** (Nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh**) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt và thực hiện đầy đủ quy định theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vụ án khi nguyên đơn vắng mặt đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn (anh **H**) theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh **H** đều có mặt. Nhưng sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ, tuy nhiên anh **H** không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn, cố tình không chấp hành pháp luật. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị **Phạm Thị N** và anh **Hoàng Văn H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ** vào ngày 19/9/2003 vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy: yêu cầu ly hôn của chị **N**, Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị **N** trình bày do mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng nên chị kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh **Hoàng Văn H**. Anh **H** trình bày quan điểm vẫn còn yêu thương vợ và không muốn vợ chồng ly hôn.

Theo lời khai của chị **N**, anh **H** và biên bản xác minh tại địa phương xác định giữa chị **N** và anh **H** có mâu thuẫn, xích mích trong gia đình, tuy anh **H** không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh **H** đều vắng mặt, điều này chứng minh anh **H** không có thiện chí hòa giải tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022. Mặt khác, từ khi sống ly thân đến nay vợ chồng chị không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng quan hệ hôn nhân. Còn anh **H** cho rằng vẫn còn yêu thương vợ con và không muốn ly hôn, nhưng trong thời gian sống ly thân đến nay anh **H** không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vẫn tiếp tục sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị **N** vẫn kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **H** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về con chung: chị **Phạm Thị N** và anh **Hoàng Văn H** có 04 (bốn) con chung là **Hoàng Như T**, sinh ngày 09/4/2004; **Hoàng Khánh T1**, sinh ngày 26/02/2012; **Hoàng Ngọc H1**, sinh ngày 17/5/2015 và **Hoàng Duy T2**, sinh ngày 01/9/2022. Đối với cháu **Hoàng Như T** đã thành niên (đủ 18 tuổi), không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn đối với 03 con chung **Hoàng Khánh T1**, **Hoàng Ngọc H1** và **Hoàng Duy T2** trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Phạm Thị N** và anh **Hoàng Văn H** đều thống nhất chị **N** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận này của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật; hiện nay công việc anh **H** đi làm ăn xa, do tính chất công việc nhiều khi phải trực đột xuất, không thể trực tiếp chăm sóc được cho các con; chị **N** có việc làm, chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo việc trực tiếp nuôi con mà không cần anh **H** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Mặt khác, từ khi sống ly thân đến nay cả 03 (ba) cháu **T1**, **H1**, **T2** đều đang được chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt. Tòa án lấy ý kiến của cháu **Hoàng Khánh T1**, **Hoàng Ngọc H1** thì nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với mẹ,

đôi với cháu **Hoàng Duy T2**, hiện nay vẫn dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Vì vậy, cần chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị **N** với anh **H**, giao cả 03 (ba) con chung **Hoàng Khánh T1**, sinh ngày 26/02/2012; **Hoàng Ngọc H1**, sinh ngày 17/5/2015 và **Hoàng Duy T2**, sinh ngày 01/9/2022 cho chị **Phạm Thị N** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Hoàng Văn H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị **Phạm Thị N** và anh **Hoàng Văn H** không có tài sản chung, không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị N**.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị **Phạm Thị N** được ly hôn anh **Hoàng Văn H**.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung **Hoàng Khánh T1**, sinh ngày 26/02/2012; **Hoàng Ngọc H1**, sinh ngày 17/5/2015 và **Hoàng Duy T2**, sinh ngày 01/9/2022 cho chị **Phạm Thị N** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Hoàng Văn H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị **Phạm Thị N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004326 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị **N** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Các Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Mạnh Cường – Hà Thị Thu

Nguyễn Quang Độ